TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 105/2025/DS-PT Ngày: 08 - 4 - 2025 V/v tranh chấp yêu cầu dông nhận di sản, chia do sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Trần Nam Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2025/TLPT-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc *"Tranh chấp yêu cầu công nhận di sản, yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2025/QĐ-PT ngày 11/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Minh T (tên gọi khác là T1), sinh năm 1961. Địa chỉ: Số B, đường P (K), khóm D, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số E, đường H, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Thanh L (tên gọi khác là T3), sinh năm 1963. Địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông Phạm Minh Phương T4, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A, đường N, khóm D, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông Phạm Minh Phương K, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số A, đường H, khóm A, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ông Tạ Ngọc T5, sinh năm 1961 (vắng mặt).

5. Ông Tạ Ngọc U, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F, đường H, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày: Lúc sinh thời cha là cụ Phạm Minh N, sinh năm 1944 (mất ngày 10/6/1972) và cụ Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1941 (mất ngày 13/12/2019) chung sống với nhau được 05 người con gồm: Phạm Minh T, sinh năm 1961, Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1963, Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 1965, Phạm Minh Phương T4, sinh năm 1969, Phạm Minh Phương K, sinh năm 1971. Ngoài ra, cha mẹ không có con riêng và cũng không có nhận người con nuôi khác (kèm theo tờ khai quan hệ thừa kế ngày 28/4/2021), cha, mẹ chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống cụ N và cụ Ú không tạo lập được tài sản chung. Đến năm 2009 cụ Ú có mua được một phần đất của ông Tạ Ngọc T5 tại đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 60m^2 (ngang 4m, dài 15m), do đất của ông Tạ Ngọc T5 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên lúc mua đất cụ Ú và ông T5 chỉ lập hợp đồng bằng giấy viết tay. Sau khi cụ Ú mất thì giấy tờ mua bán này do bà Phạm Thị Thanh T2 cất giữ, phần đất chia thừa kế hiện thuộc một phần thửa số 20, tờ bản đồ số 07, tổng diện tích 512,4 m^2, loại đất LN do ông Tạ Ngọc T5 đứng tên chủ sử dụng. Đến năm 2010 cụ Ú cất một căn nhà cấp 4 trên toàn bộ phần đất đã mua để ở và sử dụng cho đến khi cụ Ú qua đời. Sau khi cụ Ú mất, bà T2 muốn chiếm toàn bộ phần tài sản này làm của riêng nên ngăn cản và xua đuổi không cho các anh em đến thắp hương cho cụ N, cụ Ú. Khi cụ Ú chết thì số vàng 24k và 18k của cụ Ú, ông T không nhớ trọng lượng nhưng bán được số tiền 50.000.000 đồng các anh, chị, em thống nhất chia cho mỗi người 10.000.000 đồng, riêng bà T2 nhận tiền mặt 10.000.000 đồng, còn các anh, em khác góp lại được 40.000.000 đồng đưa ông T4 giữ làm đám tang cho cụ Ú. Nên ông Phạm Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia phần di sản của cụ Nguyễn Thị Ú để lại gồm phần đất có diện tích 60m^2 và căn nhà cấp 4, được xây dựng trên đất tọa lạc số 57, Huỳnh Phan H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho các anh, chị, em thành 05 phần bằng nhau, mỗi người hưởng một phần, giá trị tài sản tạm tính là 600.000.000 đồng trong đó: đất 60m^2 có giá khoảng 350.000.000 đồng, nhà 60m^2 có giá khoảng 250.000.000 đồng, ông T xin nhận giá trị tài sản bằng 1/5 phần tài sản của cụ Ú để lại với số tiền 120.000.000 đồng.

- Công nhận phần đất với diện tích 60m^2 (ngang 4m, dài 15m) trên đất có căn nhà cấp 4, phần đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc số 57, đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là phần di sản của cụ Nguyễn Thị Ú để lại.

- Yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 với tổng diện tích 512,4 m^2, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022, đất tọa lạc số 57 đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông T thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế là 63,2 m^2 và giá trị định giá là 570.611.000 đồng.

- *Bị đơn bà Phạm Thị Thanh T2 trình bày:* Bà T2 thống nhất theo nội dung đơn kiện về tên cha, mẹ và các anh chị em như ông Phạm Minh T đã nêu trong đơn khởi kiện và cha, mẹ chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống cụ N và cụ Ú không tạo lập được phần tài sản chung nào, khi cha mẹ còn sống các anh, chị, em sống cùng với cha mẹ tại số A đường N (số M đường Đ, khóm B, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) đến năm 2009 giải tỏa bờ kè gia đình được bồi thường hơn 170.000.000 đồng cho cụ Nguyễn Thị Ú, số tiền này cụ Ú giao cho ông T4 giữ. Cũng năm 2009 ông T4 dùng số tiền bồi thường để mua một phần đất của ông Tạ Ngọc T5 tại đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng với giá 61.000.000 đồng, khi mua ông T5 và cụ Ú có làm giấy viết tay, hiện nay phần đất đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận của ông Tạ Ngọc T5. Đến năm 2009 thì xây dựng trên đất một căn nhà từ nguồn tiền giải tỏa đền bù của căn nhà cũ và bà T2 đã cùng cụ Ú sinh sống cho đến năm 2019 thì cụ Ú mất. Khi cụ Ú còn khỏe mạnh thì cụ Ú sống cùng bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các anh, chị, em khác có gia đình và ở riêng. Khi cụ Ú nằm viện thời gian đầu bà là người chăm sóc, đến khi cụ Ú nằm bệnh viện hơn 02 tháng 11 ngày thì các anh, chị, em mới tập trung lại để phụ bà chăm sóc cụ Ú, các anh chị em có kêu bà lấy vàng để chuyển cụ Ú lên tuyến trên, bà cũng đồng ý và bà đã đưa cho vợ ông K 02 cây vàng 24k và vàng 18k (không nhớ trọng lượng). Trong số tiền quan khách cúng đám tang cho cụ Ú thì bà đã có nhận 10.000.000 đồng. Trong thời gian chung sống với cụ Ú, bà T2 có bỏ tiền ra để tu bổ thêm cho căn nhà. Vào năm 2015 làm hàng rào giá 2.200.000 đồng, năm 2018 làm thêm phòng, 04 cửa sổ và mái hiên hết khoảng 10.000.000 đồng, năm 2021 gắn cửa rào mới giá 3.000.000 đồng thay cửa nhà vệ sinh giá 1.700.000 đồng các phần này bà không yêu cầu. Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh T thì bà không đồng ý. Vì ông T không có công chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng không có tu bổ gì vào nhà đất của cụ Ú để lại. Bà chỉ đồng ý căn nhà để dùng vào việc thờ cúng.

- N*gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh L trình bày:* Bà thống nhất theo nội dung đơn kiện về tên cha, mẹ và các anh chị em như ông Phạm Minh T đã nêu trong đơn khởi kiện. Cha, mẹ chết không để lại di chúc. Lúc cụ N và cụ Ú chung sống không tạo lập được tài sản chung đến năm 2009 cụ Ú có mua một phần đất của ông Tạ Ngọc T5 tại đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, mua từ nguồn tiền nhà nước giải tỏa bồi thường căn nhà ở đường Đ với giá 60.000.000 đồng. Phần đất này mua của ông T5 chỉ làm giấy tay chưa được tách thửa, đất và nhà cụ Ú mua ở đường H, phường F, thành phố S hiện nay bà T2 đang ở và đang tranh chấp. Cụ Ú xây nhà vào năm nào bà không nhớ nhưng bà L biết xây nhà từ nguồn tiền bồi thường ở căn nhà Đ. Sau khi xây nhà xong bà T2 và vợ chồng ông T4 sống chung với cụ Ú, các anh em khác có gia đình chỉ tới lui thăm cụ Ú, vợ chồng ông T4 sống với cụ Ú được một thời gian thì sống không nổi với bà T2 nên đã ra riêng. Khi cụ Ú bị bệnh thì các anh em có chia nhau ra chăm sóc cho cụ Ú. Sau khi cụ Ú chết, cụ Ú có để lại tài sản khoảng một cây vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k và một căn nhà hiện nay bà T2 đang ở, số vàng này khi cụ Ú chết các anh, em đều thống nhất lấy vàng này để chi tiêu đám tang cho cụ Ú. Trong số tiền những người đi cúng đám tang của cụ Ú thì bà T2 đã lấy 10.000.000 đồng. Sau khi cụ Ú chết, thì bà T2 vẫn để cho các anh, em đến cúng cha mẹ nhưng bà T2 tỏ thái độ không vui. Theo yêu cầu khởi kiện của ông T bà thống nhất chia tài sản thừa kế là căn nhà của cụ Ú. Trường hợp, Tòa án chia tài sản thừa kế thì bà yêu cầu được nhận giá trị căn nhà là tiền. Tại phiên tòa bà Phạm Thị Thanh L thống nhất số vàng của cụ Ú như ông T trình bày và thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế là 63,2 m^2 và giá trị định giá là 570.611.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh Phương T4 trình bày:* Ông thống nhất theo nội dung đơn kiện về tên cha, mẹ và các anh chị em như ông Phạm Minh T đã nêu trong đơn khởi kiện. Cha, mẹ chết không để lại di chúc. Lúc cụ N và cụ Ú chung sống không tạo lập được tài sản chung đến năm 2009 cụ Ú có mua phần đất của ông Tạ Ngọc T5 tại đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cụ Ú mua một miếng đất ở đường H, Phường F, thành phố S từ vàng của cụ Ú với giá 60.000.000 đồng. Phần đất này mua của ông T5 chỉ làm giấy tay chưa được tách thửa, tờ giấy tay mua đất do bà T2 đang giữ. Căn nhà đường H được xây dựng lên từ nguồn tiền bồi thường giải tỏa ở đường Đ, căn nhà xây dựng với giá khoảng 250.000.000 đồng, xây dựng năm 2010, hiện bà T2 đang ở và đang tranh chấp, Khi căn nhà xây dựng xong bà T2 và vợ chồng ông sống chung với cụ Ú còn các anh em khác có gia đình chỉ tới lui thăm cụ Ú, vợ chồng ông sống với cụ Ú được một thời gian thì sống không nổi với bà T2 nên đã ra riêng. Khi cụ Ú bị bệnh thì các anh em chia nhau chăm sóc cho cụ Ú. Sau khi cụ Ú chết, cụ Ú có để lại vàng nhưng không biết bao nhiêu và một căn nhà hiện nay bà T2 đang ở, số vàng này khi cụ Ú chết các anh, em đều thống nhất lấy vàng để chi tiêu đám tang và làm mồ mã cho cụ Ú. Trong số tiền những người đi cúng đám tang của cụ Ú thì bà T2 đã lấy 10.000.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của ông T ông thống nhất chia tài sản thừa kế là căn nhà của cụ Ú. Trường hợp Tòa án chia tài sản thừa kế thì ông yêu cầu được nhận tiền là giá trị căn nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Minh Phương T4 thống nhất số vàng của cụ Ú như ông T

trình bày và ông T4 yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là căn nhà và đất tại thửa số 20 và đồng ý thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế.Thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế là 63,2 m^2 và giá trị định giá là 570.611.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh Phương K trình bày:* Ông Phạm Minh Phương K thống nhất theo nội dung đơn kiện về tên cha, mẹ và các anh chị em như ông Phạm Minh T đã nêu trong đơn khởi kiện. Cha, mẹ chết không để lại di chúc. Lúc cụ N và cụ Ú chung sống không tạo lập được tài sản chung đến năm 2009 ông K và ông T tìm mua cho cụ Ú một phần đất của ông Tạ Ngọc T5 tại đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng với giá 60.000.000 đồng khi mua làm giấy tay có diện tích ngang 04m, dài 15m, loại đất lâu năm hiện nay chưa được tách thửa và làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, tờ giấy tay mua đất hiện nay không biết ở đâu và ai giữ. Khoảng một tháng, sau khi mua đất thì xây dựng căn nhà đường H từ nguồn tiền bồi thường giải tỏa căn nhà ở đường Đ, căn nhà xây dựng với giá bao nhiêu ông K không biết, xây dựng năm 2010, căn nhà cụ Ú mua ở đường H, Phường F, thành phố S hiện nay bà T2 đang ở và đang tranh chấp. Khi nhà xây xong bà T2 và vợ chồng ông T4 sống chung với cụ Ú, các anh em khác có gia đình chỉ tới lui thăm cụ Ú, khi cụ Ú bị bệnh thì các anh, em chia nhau chăm sóc cho cụ Ú, trong thời gian cụ Ú bị bệnh có ông T, bà L, ông T4 và ông K là người bỏ tiền ra để đưa cụ Ú đi khám chữa bệnh nhưng ông K là người trực tiếp và thường xuyên chở cụ Ú đi. Sau khi cụ Ú chết, cụ Ú có để lại vàng khoảng 01 cây 03 chỉ trong đó có vàng 24k và 18k; một căn nhà hiện nay bà T2 đang ở, số vàng khi cụ Ú chết các anh, em đều thống nhất lấy vàng để chi tiêu đám tang và làm mồ mã cho cụ Ú. Trong số tiền những người đi cúng đám tang của cụ Ú thì bà T2 đã lấy 10.000.000 đồng. Theo yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế của cụ Ú, ông K thống nhất và đồng ý chia tài sản thừa kế của cụ Ú. Trường hợp Tòa án chia tài sản thừa kế thì ông yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng tiền là giá trị căn nhà. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Minh Phương K thống nhất số vàng của cụ Ú như ông T trình bày. Thống nhất theo diện tích đo đạc thực tế là 63,2 m^2 và giá trị định giá là 570.611.000 đồng.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Ngọc T5:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì. Toà án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Tạ Ngọc T5 không gửi văn bản cho Toà án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Tạ Ngọc T5 cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Ngọc U trình bày:* Ông Tạ Ngọc T5 là cha ruột của ông, ông không quen biết ông Phạm Minh T, ông biết bà Phạm Thị Thanh T2 là lối xóm, giữa ông U với ông Phạm Minh T, bà Phạm Thị Thanh T2 không có mâu thuẫn. Vào ngày 12/7/2022 ông Tạ Ngọc T5 đã tặng cho ông phần đất thửa số 20, tờ bản đồ số 7, tổng diện tích 512,4 m^2, tọa lạc đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và đã được chỉnh lý sang tên cho

ông, lý do ông Tạ Ngọc T5 đã già yếu. Phần đất thửa số 20 ông Tạ Ngọc T5 đã chuyển nhượng cho 07 người, trong đó có cụ Nguyễn Thị Ú, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay mua bán đất giữa ông Tạ Ngọc T5 với cụ Nguyễn Thị Ú khoảng năm 2011-2012, với diện tích ngang 04m, dài hết đất, thời điểm ông T5 chuyển nhượng đất cho cụ Ú, ông U biết nhưng không có chứng kiến. Đối với phần đất đã chuyển nhượng cho cụ Nguyễn Thị Ú là mẹ của những anh, em ông Phạm Minh T và bà Phạm Thị Thanh T2 nếu hộ cụ Nguyễn Thị Ú (nay là bà Phạm Thị Thanh T2 đang sinh sống) làm thủ tục tách thửa đất thì ông U đồng ý tách thửa. Đối với vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa những anh, em ông Phạm Minh T với bà Phạm Thị Thanh T2 thì ông U có ý kiến như sau: Từ khi cụ Nguyễn Thị Ú mua phần đất của ông Tạ Ngọc T5 xây nhà và sinh sống thì ông U đã thấy bà Phạm Thị Thanh T2 trực tiếp chăm sóc và nuôi cụ Nguyễn Thị Ú cho đến cụ mất, ngoài ra không có ai đến chăm sóc cụ Ú.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Khoản 1 Điều 244; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và áp dụng Điều 623; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Minh T.

Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ú là diện tích 63,2m^2 đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 tất cả tài sản trên đều tọa lạc số E đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, di sản thừa kế có tổng giá trị là 570.611.000 đồng.

2. Phân chia theo giá trị:

2.1. Ông Phạm Minh T được hưởng 103.747.454đồng.

2.2. Bà Phạm Thị Thanh L được hưởng 103.747.454đồng.

2.3. Ông Phạm Minh Phương T4 được hưởng 103.747.454đồng.

2.4. Ông Phạm Minh Phương K được hưởng 103.747.454đồng.

2.5. Bà Phạm Thị Thanh T2 được hưởng 155.621.181đồng.

3. Phân chia theo hiện vật:

3.1. Chia cho bà Phạm Thị Thanh T2 được sử dụng diện tích 63,2m^2, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 với tổng diện tích 512,4 m^2, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí tứ cận:

+ Hướng Đông giáp đường H có số đo 3,95m;

+ Hướng Tây giáp rạch Trà Men có số đo 3,95m;

+ Hướng Nam giáp đất nhà số E của bà Trần Thị S có số đo 16m;

+ Hướng Bắc giáp đất nhà số E của ông Quách Thanh D có số đo 16m.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà Phạm Thị Thanh T2 là người được nhận hiện vật phần di sản của cụ Nguyễn Thị Ú được quyền căn cứ bản án của Tòa án để thực hiện việc đăng ký biến động lại chủ sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

3.2. Bà Phạm Thị Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho:

3.1. Ông Phạm Minh T được hưởng 103.747.454đồng.

3.2. Bà Phạm Thị Thanh L được hưởng 103.747.454đồng.

3.3. Ông Phạm Minh Phương T4 được hưởng 103.747.454đồng.

3.4. Ông Phạm Minh Phương K được hưởng 103.747.454đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông Phạm Minh T, bà Phạm Thị Thanh L, ông Phạm Minh Phương T4, ông Phạm Minh Phương K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành ántheo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2024 bị đơn Phạm Thị Thanh T2 kháng cáo Bản án số 184/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà hưởng 2,5 kỷ phần, gồm 1 kỷ phần thừa kế và 1,5 kỷ phần công sức bảo quản gìn giữ di sản, chăm sóc phụng dưỡng mẹ già cho đến cuối đời và thờ cúng cha mẹ đến nay. Vì năm 2009 mẹ bà nhận tiền đền bù

170.143.768 đồng thì mẹ bà đã mua đất và cất nhà hết tiền. Năm 2022 bà đã bỏ tiền ra làm nhà vệ sinh và làm mới hàng rào, mái che với tổng số tiền là 20.789.000 đồng, đến năm 2024 thì mái nhà và gác lửng không sử dụng được nên bà đã bỏ tiền thay mái tol và xả gồ với giá 85.146.000 đồng. Bà là người chung sống với cha mẹ từ nhỏ khi cha chết, mẹ thì già yếu không còn sức lao động một mình bà phải gánh vát lo tất cả các chi phí trong gia đình như ăn uống, chi phí khám chửa bệnh, thuốc than khi mẹ đau yếu, sửa chửa nhà khi nhà bị hư hỏng và thờ cúng cha mẹ khi cha mẹ chết đến nay nhưng Tòa cấp sơ thẩm chỉ giải quyết cho bà hưởng công quản lý giữ gìn di sản bằng ½ kỹ phần mà không tính công sức phụng dưỡng cho mẹ già cho đến khi mất là thiệt thòi cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo và các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Bị đơn Phạm Thị Thanh T2 nhận di sản thừa kế bằng hiện vật gồm quyền sử dụng đất và căn nhà, công trình kiến trúc xây dựng trên đất; Bị đơn có nghĩa vụ trả lại giá trị kỷ phần các đồng thừa kế được hưởng mỗi người 90.000.000 đồng.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh T2 là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn T2 là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Ngọc T5 và Tạ Ngọc U vắng mặt. Xét thấy, những người này đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất phần di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị Ú để lại gồm có quyền sử dụng đất diện tích 63,2m^2, thuộc một phần

thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 với tổng diện tích 512,4 m^2, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Có giá trị theo kết quả định giá là 570.611.000 đồng.

[2.1] Ông Phạm Minh T khởi kiện yêu cầu công nhận phần tài sản trên là di sản thừa kế và chia thừa kế thành 5 kỷ phần ông hưởng một kỷ phần bằng giá trị. Cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và chia di sản thừa kế của cụ Ú để lại thành 5,5 kỷ phần. Trong đó, các đồng thừa kế gồm ông T, bà L, ông T4 và ông K mỗi người 01 kỷ phần; bị đơn bà T2 được hưởng 1,5 kỷ phần. Bà T2 được nhận hiện vật và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác. Không đồng ý với quyết định trên bà T2 đã kháng cáo yêu cầu được chia kỷ phần thừa kế bà được hưởng 01 kỷ phần thừa kế và 1,5 kỷ phần công sức đóng góp giữ gìn tải sản; chăm sóc mẹ già và thờ cúng cha, mẹ. Tổng cộng, là 2,5 kỷ phần.

[2.2] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án cụ thể: Di sản thừa kế chia cho các đồng thừa kế Phạm Minh T, Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh Phương T4, Phạm Minh Phương K mỗi người nhận kỷ phần giá trị bằng 90.000.000 đồng. Bà Phạm Thị Thanh T2 nhận kỷ phần có giá trị 210.611.000 đồng. Bà Phạm Thị Thanh T2 nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và căn nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất. Bà Phạm Thị Thanh T2 trả kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế ông Phạm Minh T, Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh Phương T4, Phạm Minh Phương K1 mỗi người 90.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh T2 sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.2.1] Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ú để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 63,2m^2, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý

sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 với tổng diện tích 512,4 m^2, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, tọa lạc Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp đường H có số đo 3,95m; Hướng Tây giáp rạch Trà Men có số đo 3,95m; Hướng Nam giáp đất nhà số E của bà Trần Thị S có số đo 16m và H1 Bắc giáp đất nhà số E của ông Quách Thanh D có số đo 16m, có giá trị 570.611.000 đồng.

[2.2.2] Bà Phạm Thị Thanh T2 nhận di sản bằng hiện vật và buộc bà Phạm Thị Thanh T2 có nghĩa vụ trả kỷ phần thừa kế lại cho các đồng thừa kế Phạm Minh T, Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh Phương T4, Phạm Minh Phương K mỗi người 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Số tiền 20.000.000 đồng. Ông T phải chịu 3.115.000 đồng; bà L phải 3.115.000 đồng; ông T4 phải chịu 3.115.000 đồng; ông K phải chịu 3.115.000 đồng; bà T2 phải chịu 7.540.000 đồng. Số tiền này ông T đã tạm ứng trước nên bà L, bà T2, ông K, ông T4 mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đượng sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại án phí sơ thẩm theo sự thỏa thuận. Do phần di sản bà Phạm Thị Thanh T2 nhận có giá trị 210.611.000 đồng nên chịu án phí x 5% = 10.530.000 đồng; các đồng thừa kế khác Phạm Minh T, Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh Phương T4, Phạm Minh Phương K mỗi người phải chịu là 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng. Bà Phạm Thị Thanh T2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh T là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết nêu trên miển án phí cho ông T, bà L.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 148 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ Điều 12; Khoản 7 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng của bị đơn bà Phạm Thị Thanh T2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 184/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1. Công nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ú là diện tích 63,2m^2 đất

tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 tất cả tài sản trên đều tọa lạc số E đường H, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng,di sản thừa kế có tổng giá trị là 570.611.000 đồng.

2. Chia phần di sản thừa kế cho các đồng thừa kế ông Phạm Minh T, Phạm Thị Thanh L, Phạm Minh Phương T4, Phạm Minh Phương K mỗi người nhận kỷ phần có giá trị 90.000.000 đồng; bà Phạm Thị Thanh T2 nhận kỷ phần có giá trị 210.611.000 đồng. Giao bà bà Phạm Thị Thanh T2 nhận di sản là quyền sử dụng đất có diện tích 63,2m^2, thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: CLN và tài sản gắn liền với đất là căn nhà một tầng + gác gỗ, diện tích tầng trệt 13,9m x 3,95m = 54,9 m^2. Tổng diện tích sàn 109,8 m^2. Kết cấu nền lát gạch men, vách tường gạch, khung bê tông cốt thép, trần La phong nhựa, sàn lầu gỗ, mái lợp tol. Mái che trước diện tích 1,7m x 3,95m = 6,715m^2, kết cấu nền lát gạch men, khung vách sắt hộp, vách tol cột bê tông đúc sẵn, cửa rào sắt hộp, mái lợp tol, tọa lạc tại số E đường H, khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 501268 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 05/5/2014 cho ông Tạ Ngọc T5 và bà Cao Thị N1 được chỉnh lý sang tên cho ông Tạ Ngọc U ngày 12/7/2022 với tổng diện tích 512,4 m^2, thửa đất số 20, tờ bản đồ số 07, tọa lạc khóm F, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí tứ cận:

- Hướng Đông giáp đường H có số đo 3,95m;

- Hướng Tây giáp rạch T có số đo 3,95m;

- Hướng Nam giáp đất nhà số E của bà Trần Thị S có số đo 16m;

- Hướng Bắc giáp đất nhà số E của ông Quách Thanh D có số đo 16m.

(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bà Phạm Thị Thanh T2 là người được nhận hiện vật phần di sản của cụ Nguyễn Thị Ú được quyền căn cứ bản án của Tòa án để thực hiện việc đăng ký biến động lại chủ sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

3. Buộc bà Phạm Thị Thanh T2 có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được hưởng cho:

3.1. Ông Phạm Minh T số tiền 90.000.000 đồng.

3.2. Bà Phạm Thị Thanh L số tiền 90.000.000 đồng.

3.3. Ông Phạm Minh Phương T4 số tiền 90.000.000 đồng.

3.4. Ông Phạm Minh Phương K số tiền 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông Phạm Minh T, bà Phạm Thị Thanh L, ông Phạm Minh Phương T4, ông Phạm Minh Phương K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Phạm Minh T được miễn án phí đối với suất thừa kế sơ thẩm. Được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007990 ngày 21/6/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Bị đơn bà Phạm Thị Thanh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.530.000 đồng.

4.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh L được miễn án phí.

4.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh Phương T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng.

4.5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh Phương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản số tiền 20.000.000 đồng. Ông Phạm Minh T đã tạm ứng trước nên:

5.1. Ông Phạm Minh T phải chịu 3.115.000 đồng, được trừ vào số tiền ông T đã tạm ứng 20.000.000 đồng. Ông T đã nộp đủ.

5.2. Bà Phạm Thị Thanh T2 phải chịu 7.540.000 đồng. Do ông T đã tạm ứng trước nên bà T2 có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 7.540.000 đồng.

5.3. Bà Phạm Thị Thanh L phải chịu 3.115.000 đồng. Do ông T đã tạm ứng trước nên bà L có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 3.115.000 đồng.

5.4. Ông Phạm Minh Phương T4 phải chịu 3.115.000 đồng. Do ông T đã tạm ứng trước nên ông T4 có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 3.115.000 đồng.

5.5. Ông Phạm Minh Phương K phải chịu 3.115.000 đồng. Do ông T đã tạm ứng trước nên ông K có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 3.115.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thanh T2 phải chịu là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai nộp tiền số 0002021 ngày 10/10/2024 của chi cục Thi hành án thành phố Sóc Trăng. Bà Phạm Thị Thanh T2 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

7. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS tp Sóc Trăng;
- Phòng TTr, PTC, TDS;
- Lưu: HSVA - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy